

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 CÁNH DIỀU



HÀ NỘI – NĂM 2022



MỤC LỤC

Trang

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4
1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	4
1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở	4
1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Địa lí	5
1.2.1. Các phẩm chất và năng lực được xác định trong Chương trình tổng thể	5
1.2.2. Mô tả chi tiết năng lực địa lí	5
2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU	8
2.1. Một số thông tin chung	8
2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7	8
2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7	9
3. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 – PHẦN ĐỊA LÍ	11
3.1. Đội ngũ tác giả	11
3.2. Phân phối chương trình Địa lí 7	13
3.3. Quan điểm tiếp cận	16
3.3.1. Sách giáo khoa Địa lí 7 biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí – phần Địa lí	16
3.3.2. Các bài học được xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh	17
3.3.3. Nội dung các bài học tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập	19
3.3.4. Các bài học chú trọng tích hợp, thực hành và vận dụng	19



4. ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 – PHẦN ĐỊA LÍ	20
4.1. Điểm mới quan trọng nhất của sách giáo khoa Địa lí 7 là chuyển từ việc tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực	20
4.2. Sách giáo khoa Địa lí 7 đảm bảo tính kế thừa và hiện đại	21
4.3. Sách giáo khoa Địa lí 7 góp phần giúp giáo viên và học sinh đổi mới quá trình dạy và học	21
4.4. Sách giáo khoa Địa lí 7 chú trọng yêu cầu tích hợp	21
4.5. Sách giáo khoa Địa lí 7 đổi mới về hình thức và cách trình bày	22
5. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	23
5.1. Định hướng chung	23
5.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh	24
5.3. Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển năng lực địa lí	24
5.4. Cách thức tổ chức dạy học Địa lí 7 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực	25
6. VẤN ĐỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 7	29
7. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO HỖ TRỢ	30
B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ	33
C. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ	39



A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018, môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở là môn học bắt buộc, được dạy ở tất cả các lớp 6, 7, 8 và 9. Là môn học bắt buộc nhưng giáo viên (GV) cần làm sao không “bắt buộc” học sinh (HS) phải học, mà phải làm cho các em hào hứng, say mê học tập để mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

Môn học gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... Một số chủ đề chung là: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; Đô thị – lịch sử và hiện tại; Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Các cuộc đại phát kiến địa lí;... Các chủ đề chung này xuất hiện trong chương trình môn học lớp 7, 8 và 9.

Môn Lịch sử và Địa lí có nhiệm vụ cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực chung, đồng thời hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí – biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học.

Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí còn thể hiện ở các tính chất đặc trưng của chương trình. Đó là tính dân tộc, tính nhân văn; tính hệ thống, tính cơ bản; tính khoa học và tính hiện đại; tính thực hành; tính mở và tính liên thông.

Mạch nội dung của phần Địa lí trong Chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí được phân bổ theo lớp như sau:

- Lớp 6: Địa lí tự nhiên đại cương.
- Lớp 7: Địa lí các châu lục.
- Lớp 8: Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Lớp 9: Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam.



1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Địa lí

Do trong Chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí có hai mạch nội dung rõ ràng là lịch sử và địa lí nên trong các phần này trở về sau, phần Địa lí được gọi tắt là Địa lí, gắn với các lớp hay toàn cấp học. Ngay trong các chủ đề chung, cũng có các phần mà trách nhiệm dạy học thuộc về GV Địa lí, có những phần mà trách nhiệm dạy học thuộc về GV Lịch sử. Việc tích hợp thể hiện ở cấu tạo chủ đề chung và cách phát triển tư duy, năng lực cho HS. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công dạy học và bố trí nhân sự ở các nhà trường.

1.2.1. Các phẩm chất và năng lực được xác định trong Chương trình tổng thể

Trong Chương trình tổng thể đã xác định:

- Các phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Các năng lực chung là năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Các năng lực đặc thù được hình thành, phát triển thông qua môn học và hoạt động học tập.

HS khi học Địa lí, sẽ hình thành năng lực địa lí. Năng lực địa lí gồm có ba thành phần năng lực là năng lực nhận thức khoa học địa lí, năng lực tìm hiểu địa lí và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– Năng lực nhận thức khoa học địa lí bao gồm các biểu hiện cụ thể như nhận thức thế giới theo quan điểm không gian và giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội).

– Năng lực tìm hiểu địa lí bao gồm các biểu hiện cụ thể như sử dụng các công cụ của Địa lí học và tổ chức học tập ở thực địa, khai thác internet phục vụ môn học.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Trong quá trình học tập, HS học được cách vận dụng kiến thức thực tế để bổ sung, làm sáng rõ kiến thức địa lí; đồng thời vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào nhận thức hoặc nghiên cứu một chủ đề vừa sức trong thực tiễn.

1.2.2. Mô tả chi tiết năng lực địa lí

Bảng 1.1. Mô tả năng lực địa lí ở cấp Trung học cơ sở

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức khoa học địa lí	Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian – Định hướng không gian: biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ.



- Phân tích vị trí địa lí: biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội.
- Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí.
- Diễn đạt nhận thức không gian: sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó, hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.

Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội)

- Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên:
 - + Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam.
 - + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên.
 - + Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống.
- Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội:
 - + Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể.
 - + Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế.
 - + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội.
 - + Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội.
- Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất:
 - + Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục.

	+ Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam. – Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên: + Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
Tìm hiểu địa lí	<i>Sử dụng các công cụ của Địa lí học</i> – Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam. – Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. – Tính toán, thống kê: kể được tên một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế. – Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản.
	<i>Tổ chức học tập ở thực địa</i> Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa.
	<i>Khai thác internet phục vụ môn học</i> Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được GV giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kĩ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.



Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	<i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i> Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.
	<i>Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tế</i> Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tế; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.

2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

2.1. Một số thông tin chung

– Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7 – Cánh Diều đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 441/QĐ-BGDĐT ngày 28/1/2022.

– Mục đích biên soạn: Cung cấp một tài liệu học tập, công cụ học tập chính thức, toàn diện và hiệu quả cho HS, đồng thời là tài liệu cho GV khai thác để tổ chức các hoạt động dạy học và vận dụng các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của HS.

– Đối tượng sử dụng: HS lớp 7, các GV dạy Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS, các cán bộ quản lí giáo dục, các phụ huynh HS.

– Phạm vi sử dụng: trong giờ học trên lớp và cả các hoạt động thực hành, vận dụng ngoài giờ lên lớp.

– Tổng số trang: 176 trang.

– Khổ sách: 19 x 26,5.

– Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7

Sách có **Hướng dẫn sử dụng sách** giúp HS nắm được các kí hiệu sử dụng trong sách.

Sách có **Lời nói đầu**, hướng tới bạn đọc là các em HS.

Sách được cấu trúc thành các chương, bài. Mỗi chương tương ứng với một chủ đề lớn, phù hợp với các chủ đề đã được xác định trong nội dung Chương trình GDPT năm 2018. Mỗi chủ đề được cấu tạo gồm một số bài học, các bài được thiết kế linh động, có bài 1 tiết, nhưng phần lớn được thiết kế với thời lượng 2 – 3 tiết/bài. Phần Lịch sử có 7 chương, 21 bài; phần Địa lí có 6 chương, 22 bài và 2 chủ đề chung.

Ngoài phần các chương, bài, cuốn sách còn có **Bảng giải thích thuật ngữ** và **Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài**.

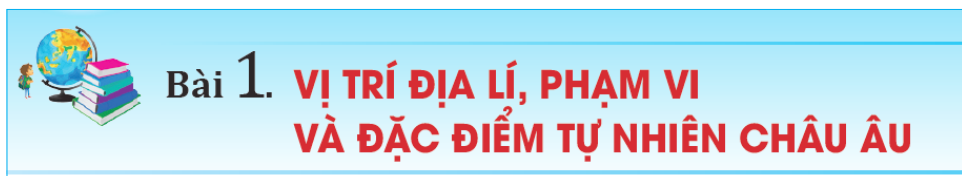
Bảng giải thích thuật ngữ giúp HS giải thích các thuật ngữ và một số từ khoá quan trọng có trong sách.

Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài: Địa danh là một phần quan trọng trong kiến thức cơ bản của Lịch sử, Địa lí. Một vấn đề mà nội dung sách đặt ra là HS phải đọc được các địa danh đó. Để giúp cho HS tiện tra cứu các tài liệu tham khảo khác, bảng tra cứu gồm các cột: tên phiên âm (như trong sách giáo khoa), tên tiếng Anh (như trong các từ điển địa danh, từ điển Wiki) và trang số địa danh xuất hiện.

2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7

Mỗi bài học đều có:

– **Tên bài** gồm số thứ tự và tên bài. Ví dụ: *Bài 1. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Âu (phần Địa lí)*.



– Yêu cầu cần đạt viết dưới dạng “Học xong bài này, em sẽ...” bám sát với yêu cầu cần đạt đã được gợi ý trong chương trình, theo quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực của HS, thiết kế rõ nhìn, bố trí ngay dưới tên bài.

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.
- Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn Rai-nơ, Đa-nuyb, Vôn-ga; các đới thiên nhiên.

– **Mở đầu:** thiết kế chữ không chân. Phần này có ý nghĩa là để khởi động, được viết khá ngắn gọn, lôi cuốn HS và cũng đa dạng tùy theo bài.



Châu Âu có diện tích đứng thứ năm trong các châu lục trên thế giới, với nhiều nét đặc trưng về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và đặc điểm tự nhiên. Đây cũng chính là những lợi thế của châu Âu trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Vậy lãnh thổ và tự nhiên châu lục này có những đặc điểm gì nổi bật?

– **Kiến thức mới:** bao gồm **phần chính văn**, trình bày những nội dung cốt lõi của bài. Phần chữ được in bằng font Times New Roman, màu đen và các câu hỏi xác định kiến thức cơ bản của nội dung bài học. Những **nội dung mở rộng** được đưa vào các ô **Em có biết?**

Phần Kiến thức mới có kênh hình đa dạng, phong phú bên cạnh kênh chữ, bao gồm bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh minh hoạ. Các hình đều được đánh số theo bài. Ví dụ, ở bài 5 sẽ có các hình 5.1, 5.2,...



Vị trí địa lí và phạm vi châu Âu

Châu Âu nằm ở phía tây của lục địa Á – Âu, kéo dài từ khoảng 36°B đến 71°B, với ba mặt giáp biển và đại dương, ngăn cách với châu Á bởi dãy núi U-ran.

Châu Âu có diện tích trên 10 triệu km², chiếm khoảng 6,8 % diện tích đất liền của Trái Đất. Lãnh thổ châu Âu trông tựa như một bán đảo lớn của lục địa Á – Âu kéo dài về phía tây nam. Đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, tạo thành nhiều bán đảo, biển và vịnh biển ăn sâu vào đất liền, làm cho lãnh thổ châu lục có hình dạng lồi lõm phức tạp.



Đọc thông tin và quan sát hình 1.1, hãy:

- Cho biết châu Âu tiếp giáp với các biển, đại dương và châu lục nào.
- Trình bày đặc điểm hình dạng và kích thước của châu Âu.



Dãy An-pơ kéo dài khoảng 1 200 km và có chiều rộng tối đa khoảng 250 km, trải dài qua 8 quốc gia (từ tây sang đông) lần lượt là: Pháp, Thụy Sĩ, I-ta-li-a, Mô-na-cô, Lếch-ten-stê-in, Áo, Đức và Xi-lô-ven-ni-a.



Môi trường nhiệt đới là nơi phát sinh ra giống cây cà phê. Nếu Nam Mỹ có sản lượng cà phê lớn nhất, châu Âu tiêu thụ cà phê nhiều nhất thì châu Phi là “cái nôi” của cây cà phê. Xứ sở Ê-ti-ô-pi chính là nơi tìm thấy cây cà phê đầu tiên và từ đó phổ biến trên thế giới. Nơi đây chính là nguồn gốc của giống cà phê A-ra-bi-ca có chất lượng cao, hương vị độc đáo.

– **Luyện tập và vận dụng**, trong đó được tách ra thành các câu hỏi mức độ Luyện tập và các câu hỏi mức độ Vận dụng. Phần này được đặt ở cuối bài.



1. Tại sao ở châu Âu càng vào sâu trong nội địa lượng mưa càng giảm và nhiệt độ càng tăng?



2. Hãy thu thập thông tin về một trong các sông lớn của châu Âu: Rai-nơ, Đa-nuýp, Von-ga.

3. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 – PHẦN ĐỊA LÍ

3.1. Đội ngũ tác giả

Đội ngũ tác giả Địa lí 7 có rất nhiều thế mạnh, thể hiện ở những điểm sau:

– Tổng Chủ biên và Chủ biên của Địa lí 7 – Cánh Diều là chuyên gia về chương trình và sách giáo khoa Địa lí: GS.TS Lê Thông, GS.TS Nguyễn Viết Thịnh, PGS.TS Nguyễn Minh Tuệ. Các thầy, cô đã từng là Tổng Chủ biên, Chủ biên và tác giả của các bộ sách giáo khoa Địa lí trước đó, các bộ sách chuyên đề, tham khảo,... cho cả bậc đại học, cao đẳng và đặc biệt là bậc phổ thông.

– Các tác giả đều là những nhà khoa học, giảng viên Địa lí ở các trường đại học, chủ yếu là Đại học Sư phạm Hà Nội; có sự kết hợp cả về kiến thức và phương pháp giảng dạy phổ thông.

– Đội ngũ tác giả với những thế hệ khác nhau, gắn với năng lực và kinh nghiệm biên soạn SGK. Thế hệ chuyên môn vững vàng và giàu kinh nghiệm biên soạn sách giáo khoa từ năm 1980 đến nay. Thế hệ kế cận năng động và thích ứng nhanh với những đổi mới của xã hội, sử dụng ngoại ngữ thành thạo để tham khảo kinh nghiệm biên soạn sách giáo khoa của một số nước tiên tiến trên thế giới.

LÊ THÔNG (Đồng Tổng Chủ biên)



Nhà giáo Ưu tú, Giáo sư, Tiến sĩ Địa Lí Kinh tế (Trường Đại học Tổng hợp Sofia, Bungari), Giảng viên cao cấp tại khoa Địa Lí Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội; Chủ biên Chương trình GDPT 2018 môn Địa lí; Chủ tịch Hội đồng Bộ môn Địa lí của Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2000 đến nay); Tác giả SGK và SGV môn Địa lí 12 (Chương trình cải cách giáo dục, 1991 – 2007); Tác giả SGK và SGV môn Địa lí 12 (Chương trình phân ban, 1995); Trưởng ban xây dựng Chương trình môn Địa lí ở Trung học Phổ thông (Chương trình hiện hành); Tổng Chủ biên SGK (Chương trình hiện hành); Tác giả SGK và sách GV Địa lí 12 (Chương trình hiện hành); Chủ biên, tác giả của trên 100 đầu sách, bao gồm SGK, sách tham khảo phổ thông, giáo trình đại học, cao đẳng, sách chuyên khảo, sách tham khảo; Tổng Chủ biên SGK Địa lí 10, bộ sách Cánh Diều.

**NGUYỄN VIỆT THỊNH (Đồng Tổng Chủ biên)**

Nhà giáo Ưu tú, Giáo sư, Tiến sĩ Địa lí Kinh tế và Chính trị (Trường Đại học Tổng hợp Sofia, Bungari), Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tác giả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Địa lí; Tác giả sách giáo khoa, sách giáo viên Địa lí 10 (năm 1990 – 2005) và Địa lí 12 (năm 1992 – 2007); Tác giả sách giáo khoa, sách giáo viên Địa lí 11 Ban Khoa học Tự nhiên và Ban Khoa học Kỹ thuật (năm 1994 – 2000); Tác giả sách giáo khoa và sách giáo viên Địa lí 12 Ban Khoa học Xã hội (năm 1996 – 2000); Tác giả sách giáo khoa Cơ bản và Nâng cao, sách giáo viên Địa lí 10; Chủ biên kiêm tác giả sách giáo khoa Cơ bản và Nâng cao Địa lí 12; Chủ tịch Hội đồng thẩm định sách giáo khoa Địa lí 7 (Chương trình Giáo dục phổ thông 2006); 30 năm là Chủ biên và Tác giả sách giáo khoa, sách bồi dưỡng giáo viên, sách tham khảo cho giáo viên và học sinh về Địa lí; Tổng Chủ biên sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 (Phần Địa lí) bộ sách Cánh Diều.

**NGUYỄN MINH TUỆ (Chủ biên)**

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Địa lí Kinh tế (Trường Đại học Tổng hợp Sofia, Bungari), Giảng viên Cao cấp tại khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tác giả SGK môn Địa lí từ năm 1980 (Chương trình cải cách giáo dục, Chương trình phân ban); Chủ biên SGK môn Địa lí 10 (Chương trình Giáo dục phổ thông 2006); Chủ tịch Hội đồng Quốc gia thẩm định Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 môn Địa lí; Chủ tịch Hội đồng Quốc gia thẩm định SGK môn Địa lí 9 và Địa lí 12 (Chương trình Giáo dục phổ thông 2006). Có nhiều năm kinh nghiệm tham gia các dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hơn 30 năm kinh nghiệm viết SGK, sách chuyên khảo, sách bài tập về Địa lí cho nhà trường phổ thông (từ lớp 6 đến lớp 12); Chủ biên, tác giả trên 100 đầu sách, bao gồm SGK, sách tham khảo phổ thông và giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo đại học, cao đẳng; Chủ biên SGK Lịch sử và Địa lí 7 – phần Địa lí, bộ sách Cánh Diều.



NGUYỄN TƯỜNG HUY

Tiến sĩ Địa lí học (Trường Đại học Sydney, Ô-xtrây-li-a), Trưởng bộ môn Địa lí Kinh tế – Xã hội, Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.



TRẦN THỊ THANH THỦY

Tiến sĩ Phương pháp dạy học Địa Lí
Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở –
Trung học phổ thông Phạm Văn Đồng,
Hệ thống Giáo dục Alpha.



HOÀNG PHAN HẢI YẾN

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Địa lí học,
Giảng viên Khoa Địa lí,
Trường Đại học Vinh.



NGÔ THỊ HẢI YẾN

Tiến sĩ Địa lí học,
Phó Trưởng khoa Địa lí,
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

3.2. Phân phối chương trình Địa lí 7

Các bài học trong Địa lí 7 được biên soạn bám sát theo Chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí 7, nội dung giáo dục Địa lí.

Toàn bộ thời lượng của môn Lịch sử và Địa lí 7 là 105 tiết. Dự kiến Địa lí 50 tiết, Lịch sử 49 tiết và Chủ đề chung 6 tiết.

Đối với Địa lí 7 được cấu tạo thành 6 chương, cụ thể:

Chương 1. CHÂU ÂU

Chương 2. CHÂU Á



Chương 3. CHÂU PHI

Chương 4. CHÂU MỸ

Chương 5. CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Chương 6. CHÂU NAM CỰC

Ở mỗi châu lục, học sinh được tìm hiểu khái quát về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và đặc điểm dân cư, xã hội; phương thức con người khai thác, sử dụng, bảo vệ thiên nhiên của châu lục.

Mặc dù trong Chương trình môn học chỉ gợi ý tỉ lệ phần trăm cho các mạch nội dung, nhưng để thuận lợi cho GV và các nhà trường trong triển khai công việc dạy học, dựa trên kinh nghiệm lên kế hoạch dạy học những năm qua, chúng tôi đưa ra kế hoạch dạy học như sau.

Phần Địa lí 7 gồm 42 tiết học kiến thức mới; 8 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá giữa kì và cuối kì. Cụ thể:

Học kì I: 21 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 25 tiết.

- Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 5.
- Có thể tổ chức ôn tập học kì I và kiểm tra học kì I sau bài 9.

Học kì II: 21 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 25 tiết.

- Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 15.
- Tổ chức ôn tập học kì II và kiểm tra học kì II sau bài 22.

Bảng đối chiếu nội dung Chương trình GDPT 2018, các bài trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 7 – phần Địa lí và số tiết

Nội dung Chương trình	Các bài trong sách giáo khoa Địa lí 7	Số tiết
CHÂU ÂU	CHƯƠNG 1. CHÂU ÂU	8
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu	Bài 1. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Âu	2
– Đặc điểm tự nhiên		
– Đặc điểm dân cư, xã hội	Bài 2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu	2
– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	Bài 3. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	2
– Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)	Bài 4. Khái quát về Liên minh châu Âu	2
CHÂU Á	CHƯƠNG 2. CHÂU Á	10
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Á	Bài 5. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Á	3
– Đặc điểm tự nhiên		



– Đặc điểm dân cư, xã hội	Bài 6. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á	2
– Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á	Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á. Các khu vực của châu Á	4
– Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á	Bài 8. Thực hành: Tìm hiểu một nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á	1
CHÂU PHI	CHƯƠNG 3. CHÂU PHI	8
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi	Bài 9. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Phi	2
– Đặc điểm tự nhiên		
– Đặc điểm dân cư, xã hội	Bài 10. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi	2
– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	Bài 11. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	3
– Khái quát về Cộng hoà Nam Phi	Bài 12. Thực hành: Tìm hiểu khái quát về Cộng hoà Nam Phi	1
CHÂU MỸ	CHÂU 4. CHÂU MỸ	10
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ	Bài 13. Vị trí địa lí, phạm vi và việc phát kiến ra châu Mỹ	1
– Phát kiến ra châu Mỹ	Bài 14. Đặc điểm tự nhiên Bắc Mỹ	2
	Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội Bắc Mỹ	1
– Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ)	Bài 16. Phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ	2
– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ	Bài 17. Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ	2
	Bài 18. Đặc điểm dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ	1
	Bài 19. Thực hành: Tìm hiểu vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở rừng A-ma-dôn	1



CHÂU ĐẠI DƯƠNG	CHƯƠNG 5. CHÂU ĐẠI DƯƠNG	4
– Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương – Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia – Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	Bài 20. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm thiên nhiên châu Đại Dương	2
	Bài 21. Đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a	2
CHÂU NAM CỰC	CHƯƠNG 6. CHÂU NAM CỰC	2
– Vị trí địa lí của châu Nam Cực – Lịch sử phát kiến châu Nam Cực – Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực	Bài 22. Châu Nam Cực	2

Lưu ý: Số tiết của mỗi bài học ở trên chỉ mang tính dự kiến, có thể thay đổi linh hoạt phụ thuộc vào kế hoạch của từng nhà trường.

3.3. Quan điểm tiếp cận

3.3.1. Sách giáo khoa Địa lí 7 biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí – phần Địa lí

Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí (cấp Trung học cơ sở) được ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26-12-2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Chương trình năm 2018).

Chương trình năm 2018 là CT mở, phục vụ cho chủ trương một chương trình nhiều sách giáo khoa, vì thế chỉ nêu lên mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và một số nội dung cốt lõi của mỗi lớp, mỗi cấp. Còn việc cách thức tổ chức dạy học thế nào, nội dung nào trước, nội dung nào sau,... hoàn toàn do các bộ sách và giáo viên tự quyết định. Có nghĩa là trong thực tế 3 bộ sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí 7 sẽ có cách triển khai rất khác nhau, nhưng tất cả đều phải hướng đến mục tiêu và đáp ứng được các yêu cầu cần đạt mà Chương trình đã nêu lên.

Chương trình Giáo dục phổ thông Quốc gia chỉ có một. Từ Chương trình, các địa phương căn cứ vào thực tiễn để thực hiện hoạt động giáo dục. Tức là Chương trình chỉ quy định “kết quả đầu ra” bằng các yêu cầu cần đạt đối với học sinh. Từ yêu cầu cần đạt này, Chương trình nêu lên một số kiến thức cốt lõi cần dạy để đạt được các yêu cầu. Cái đích của dạy và học là yêu cầu cần đạt; còn dạy thông qua cái gì, bằng cách nào là quyền của người soạn sách giáo khoa và giáo viên. Chương trình trở thành cơ sở quan trọng nhất của việc dạy học, từ biên soạn sách giáo khoa, lựa chọn phương pháp và kiểm tra, đánh giá. Sách giáo khoa chỉ là một

trong những tài liệu dạy học quan trọng nhưng không bắt buộc. Giáo viên có thể dạy theo bất kì bộ sách nào và lấy tư liệu từ các nguồn khác nhau để hướng dẫn học sinh học hằng ngày, miễn là đáp ứng được yêu cầu của Chương trình.

Sách giáo khoa trở thành công cụ, phương tiện để giúp giáo viên, học sinh dạy và học nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của Chương trình. Vì thế khi kiểm tra, đánh giá phải dựa vào yêu cầu cần đạt của Chương trình, không dựa vào một sách giáo khoa cụ thể nào cả.

Chính vì vậy, để thuận tiện và hiệu quả nhất cho giáo viên và học sinh, trong quá trình biên soạn Địa lí 7 – Cánh Diều, nhóm đã giả đã bám sát vào từng câu, từng chữ, phân tích chi tiết mỗi yêu cầu cần đạt trong Chương trình năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí, nội dung giáo dục Địa lí.

3.3.2. Các bài học được xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh

– *Về phát triển phẩm chất cho HS:* phần Địa lí 7 liên quan đến địa lí các châu lục, nhưng trong mỗi bài cụ thể, có sử dụng các tư liệu và tình huống gắn với Việt Nam hay những địa phương của Việt Nam (ví dụ: khi học đến Bài 4 – Khái quát về Liên minh châu Âu, học sinh liên hệ, tìm hiểu và kể tên một số sản phẩm của EU có ở thị trường Việt Nam). Những cách tiếp cận này giúp HS có cảm xúc tích cực, phát triển phẩm chất yêu nước và nhân ái.

Các bản đồ thế giới, bản đồ châu Á tuy kích thước trong sách giáo khoa là nhỏ, nhưng đều có thể hiện ở mức độ có thể nhận biết được đảo Phú Quốc, quần đảo Côn Sơn, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, nhắc nhở học sinh và những người sử dụng sách về chủ quyền lãnh thổ Quốc gia.

Các tình huống học tập được xây dựng trong các bài học luôn khuyến khích HS chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. GV có thể xây dựng các tình huống học tập khám phá, hoạt động nhóm, thông qua đó đánh giá được các phẩm chất này của học sinh.

– *Về phát triển các năng lực chung:* Mỗi bài học có đưa ra các bài tập, các tình huống đòi hỏi HS phải có năng lực tự chủ và tự học (ví dụ: HS cần chuẩn bị trước tài liệu học tập ở nhà, cần tự mình tìm kiếm thông tin trên internet, cần đưa ra ý kiến riêng về một hiện tượng nào đó). Các bài học Địa lí 7 khuyến khích GV thay đổi các hình thức tổ chức dạy học cả trên lớp và ngoài giờ lên lớp, từ đó có cơ hội để HS thể hiện và phát triển, đồng thời GV có điều kiện quan sát và đánh giá các năng lực chung khác như năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

– *Về các năng lực đặc thù địa lí:* Việc phát triển các năng lực đặc thù địa lí là định hướng trung tâm, tạo ra điểm mới và điểm nhấn trong phần Địa lí 7. Các năng lực được hình thành theo lộ trình, được quan tâm nhất quán trong các bài. Học sinh được thử thách qua các tình huống học tập đa dạng, từ đó nắm vững kiến thức, kĩ năng, phát triển năng lực, hoàn thiện thái độ và hành vi.

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí

Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian được hình thành ở bài đầu của mỗi chương trong Địa lí 7, sau đó được phát triển ở những bài sau đó. Trong phần Địa lí 7 có nhiều bản đồ, lược đồ với nhiều câu hỏi nhận thức Cái gì? Ở đâu? Như thế nào? mà học sinh tìm câu trả lời khi đọc và khai thác thông tin từ các bản đồ, lược đồ.

Năng lực giải thích các hiện tượng tự nhiên và kinh tế – xã hội được phát triển trong khi học sinh khai thác các nguồn thông tin khác nhau trong sách giáo khoa, cả kênh chữ, kênh hình.

Trong phần lớn các trường hợp, học sinh chỉ khai thác một bản đồ trong bài đang học, tuy nhiên, có những tình huống yêu cầu học sinh đọc thông tin kênh chữ và đối chiếu hai bản đồ khác nhau để giải thích mối quan hệ giữa hai hiện tượng. Một câu hỏi lí thú, luôn kích thích trí tò mò, ham hiểu biết của học sinh.

Ví dụ: Khi dạy bài 11, giáo viên yêu cầu học sinh đọc thông tin và kết hợp với bản đồ ở bài 9 để trả lời câu hỏi:

Đọc thông tin và quan sát hình 9.2, hình 11.1, hãy trình bày cách thức con người khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo ẩm.

Trong sách cũng có nhiều tình huống yêu cầu học sinh sơ đồ hoá, lập sơ đồ tư duy (mind-map),...

+ Năng lực tìm hiểu địa lí

Nhiều tình huống khác nhau đã được tổ chức trong các bài học:

Đọc hiểu văn bản, rồi phát biểu lại thành một định nghĩa khái niệm; tìm ra ý cốt lõi trong thông điệp của văn bản;...

Bình luận một bức ảnh/tranh vẽ từ góc độ địa lí.

Làm việc với bản đồ thông dụng, khai thác thông tin từ các bản đồ chuyên đề trong sách giáo khoa.

Phân tích biểu đồ, bảng số liệu.

Thực hành viết báo cáo địa lí.

Thu thập và chọn lọc thông tin từ sách, báo, internet,... để giải quyết các tình huống học tập.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

Trong những bài học sẽ có các tình huống đòi hỏi học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào những tình huống tương tự hoặc tình huống mới.

Ví dụ, trong Bài 16 – Phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ, câu hỏi đưa ra là: *Hãy thu thập thông tin về phương thức khai thác theo hướng bền vững tài nguyên rừng hoặc khoáng sản ở Việt Nam.* Học sinh sẽ liên hệ với kiến thức được học trong bài về phương thức người dân Bắc Mỹ khai thác tự nhiên, sau đó, liên hệ với thực tế tại Việt Nam hoặc cũng có thể đưa ra những sự so sánh.

Khi xây dựng các tình huống để phát triển năng lực cho học sinh, các tác giả cố gắng làm cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, trình độ tư duy của học sinh lớp 7.

3.3.3. Nội dung các bài học tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập

a) Các bài học tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học dựa trên cơ sở:

– Mỗi chương dành cho một chủ đề và các bài học trong chương được phân bổ nội dung logic, lượng kiến thức mới vừa phải, để GV có thời gian thực hiện và thay đổi các phương pháp và hình thức dạy học.

– Tư liệu học tập phong phú, được lựa chọn và biên soạn có ý đồ về mặt phương pháp dạy học. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa kênh chữ và kênh hình.

– Trong bài có các gợi ý về câu hỏi, tình huống học tập, có liên quan hay phát triển từ các tư liệu học tập có trong bài hoặc có liên quan đến việc “móc nối” kiến thức ở bài trước.

GV hoàn toàn có thể dựa trên các học liệu và các tình huống được gợi ý trong Địa lí 7 để thay đổi phương pháp và hình thức dạy học nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

b) Các bài học trong Địa lí 7 khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập dựa trên cơ sở:

– Nội dung SGK được tổ chức để học sinh dễ dàng tiếp nhận văn bản và văn phong sáng rõ, thân thiện với học sinh.

– Nội dung bài học với các bài tập có tính tình huống luôn khuyến khích học sinh đi từ cái đã biết đến khám phá cái chưa biết, vận dụng kiến thức đã học vào các trường hợp tương tự, tăng cường suy luận và giải thích.

– Nội dung các hoạt động học tập khuyến khích học sinh tự tìm kiếm thông tin (ví dụ, có các gợi ý tìm kiếm thông tin trên internet, tìm dẫn chứng từ cuộc sống tại địa phương).

– Nội dung bài học cân đối giữa kiến thức sự kiện (về các đối tượng, hiện tượng địa lí cụ thể) và kiến thức lí thuyết. Có các nội dung mở rộng để học sinh chủ động trong học tập và có kiến thức cơ bản tốt để học tập sáng tạo.

3.3.4. Các bài học chú trọng tích hợp, thực hành và vận dụng

Phần Địa lí 7 chú trọng tích hợp, thực hành, gắn nội dung bài học với thực tiễn nhằm rèn luyện cho HS kĩ năng vận dụng kiến thức địa lí vào việc tìm hiểu và giải quyết ở mức độ nhất định một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống.

Trong các bài học Địa lí 7, tính tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau:

– *Tích hợp nội môn* là nổi bật, để học sinh hiểu được sự tác động qua lại giữa các thành phần tự nhiên, giữa tự nhiên với con người.

– *Tích hợp lịch sử – địa lí*: Trong các bài học, ở các nội dung cụ thể có thêm các kiến thức lịch sử, để học sinh mở rộng thêm hiểu biết, và có ý thức về việc liên hệ giữa lịch sử và địa lí. Đặc biệt, từ lớp 7 đến lớp 9 có thêm các chủ đề chung giữa hai phân môn Lịch sử và phân



môn Địa lí. Ở lớp 7, có hai chủ đề chung là: Các cuộc đại phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI, Đô thị: lịch sử và hiện tại.

– *Kết hợp giáo dục các vấn đề xuyên môn*: lồng ghép các nội dung liên quan (giáo dục môi trường, giáo dục phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, giáo dục dân số,...) vào nội dung địa lí; vận dụng kiến thức các môn học khác (Giáo dục công dân, Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học,...) trong việc làm sáng rõ các kiến thức địa lí.

Địa lí 7 xác định thực hành, luyện tập, vận dụng là những nội dung quan trọng, đồng thời là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực cho HS. Nội dung này chú trọng việc vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù. Điều này được thể hiện ở mỗi bài đều có các tình huống vận dụng kiến thức vào đời sống thực tiễn, đặc biệt ở các bài thực hành.

4. ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 – PHẦN ĐỊA LÍ

4.1. Điểm mới quan trọng nhất của SGK Địa lí 7 là chuyển từ việc tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực

Đây là xu hướng chung của thế giới và đang được triển khai ở Việt Nam. Thông qua các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực địa lí tự nhiên, dân cư, kinh tế của các châu lục, cùng với việc sử dụng các tư liệu, hình ảnh và tình huống cụ thể trên thế giới cũng như ở Việt Nam, học sinh bước đầu hình thành được tình yêu quê hương đất nước, lòng nhân ái, chăm chỉ, trung thực và sống có trách nhiệm.

Các bài học trong Địa lí 7 đã đưa ra nhiều câu hỏi, bài tập cũng như các tình huống yêu cầu học sinh phải giải quyết (ví dụ, cần tìm thêm tài liệu, thông tin từ các nguồn khác nhau hoặc phải có ý kiến riêng của mình,...) để từ đó góp phần hình thành năng lực tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề.

Ví dụ: – Hãy thu thập thông tin về một trong các sông lớn của châu Âu: Rai-nơ, Đa-nuýp, Von-ga.

– Hãy thu thập thông tin về cách thức người dân khai thác các tài nguyên thiên nhiên ở địa phương em.

Việc hình thành và phát triển năng lực đặc thù địa lí là điểm nhấn trung tâm trong Địa lí 7 và được triển khai nhất quán trong các bài học. Năng lực đặc thù địa lí bao gồm 3 thành phần: nhận thức khoa học địa lí, tìm hiểu địa lí và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Để hình thành được năng lực, cần phải có kiến thức và kĩ năng. Từ hệ thống kiến thức cơ bản về địa lí các châu lục (tự nhiên, kinh tế – xã hội) trong SGK cùng với các kĩ năng, học sinh dần dần hình thành năng lực ở các mức độ từ thấp đến cao phù hợp với từng lớp học, cấp học.

4.2. SGK Địa lí 7 đảm bảo tính kế thừa và hiện đại

Kế thừa những ưu điểm của SGK Địa lí 7 trước đó, đặc biệt là SGK hiện hành, tiếp thu kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục tiên tiến cùng với thực tiễn giáo dục, điều kiện và khả năng học tập của học sinh ở các vùng, miền khác nhau.

SGK Địa lí 7 đảm bảo được tính **hiện đại**. Điều đó được thể hiện ở việc hiện đại hóa hệ thống kiến thức, bổ sung những kiến thức mới (ví dụ, *phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các môi trường khác nhau của châu Phi, phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ, biến đổi khí hậu,...*) và cập nhật hệ thống số liệu trong điều kiện có thể (tới năm 2019).

Đồng thời, việc giảm tải nội dung là hết sức quan trọng. So với sách giáo khoa hiện hành, nội dung tìm hiểu về các môi trường địa lí và châu lục được thực hiện trong toàn bộ thời lượng Địa lí 7 và học kì 1 Địa lí 8 thì nay đã được lồng ghép, giảm nhẹ lượng kiến thức để tổ chức dạy học trong 50 tiết học Địa lí 7 (chỉ còn 66 trang so với 270 trang ở sách giáo khoa hiện hành cùng nội dung). Chính vì vậy, nhóm tác giả đã rất cố gắng chắt lọc thông tin mà vẫn đảm bảo được nội dung cần trang bị cho học sinh về Địa lí và đặc biệt là theo yêu cầu cần đạt của Chương trình 2018.

4.3. SGK Địa lí 7 góp phần giúp giáo viên và học sinh đổi mới quá trình dạy và học

– **Giáo viên** đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới cách đánh giá thông qua hệ thống kênh hình, có sự tương tác trực tiếp với học sinh.

– **Học sinh** được chủ động, sáng tạo trong học tập và có nhiều cơ hội tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Tính thực hành, vận dụng được chú trọng trong mỗi bài học, nhiều nội dung trong bài gắn liền với thực tiễn (thế giới, Việt Nam hoặc địa phương). Đặc biệt là các tình huống ở bài thực hành và phần Vận dụng.

Ví dụ ở bài 8 (Thực hành: Tìm hiểu một nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á), khuyến khích học sinh cần tự tìm kiếm thông tin, xử lí số liệu để hoàn thành bài báo cáo dựa trên những gợi ý.

Mức độ vận dụng của học sinh cũng đã được tính toán để phù hợp với trình độ và tâm lí lứa tuổi ở lớp 7.

4.4. SGK Địa lí 7 chú trọng yêu cầu tích hợp

Đối với Địa lí 7, tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau. Đó là:

– Tích hợp giữa các kiến thức địa lí tự nhiên với địa lí kinh tế – xã hội, lồng ghép các nội dung liên quan như *giải thích sự phân bố dân cư dựa vào điều kiện tự nhiên, bảo vệ môi trường nước, môi trường không khí,...* SGK 7 Chương trình 2018 thể hiện tính hệ thống: tự nhiên – con người và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.



– Vận dụng kiến thức của các môn học khác (Toán học, Lịch sử, Sinh học, Vật lý,...) để làm sáng tỏ các kiến thức địa lí. Ví dụ: *tính toán số liệu để nhận xét về gia tăng dân số, kết hợp với kiến thức lịch sử để nêu được giá trị và ý nghĩa của di sản lịch sử của châu Phi hay tìm hiểu về cuộc thám hiểm hàng hải của Cô-lôm-bô,...*

Tất cả các hình thức này ở mức độ khác nhau đã được chú ý trong quá trình biên soạn SGK Địa lí 7.

4.5. SGK Địa lí 7 đổi mới về hình thức và cách trình bày

Cấu trúc các tuyến kiến thức thể hiện rõ những nội dung cốt lõi mà học sinh cần học và các phần mở rộng, vận dụng

Hình thức của SGK Địa lí 7 có nhiều ưu thế vượt trội so với các SGK trước đó. Điều này thể hiện rất rõ ở cả kênh chữ, kênh hình và cấu trúc sách.

Để tạo thuận lợi cho GV tổ chức hoạt động học tập, các bài học trong phần Địa lí 7 được cấu trúc theo 2 tuyến: tuyến chính và tuyến phụ. Tuyến chính là các nội dung cốt lõi, đảm bảo để HS đạt được các yêu cầu của từng nội dung giáo dục, được cấu trúc gồm: tên bài học, yêu cầu cần đạt, khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng. Tuyến phụ là ô Em có biết? nhằm trang bị thêm cho HS nhiều nguồn học liệu liên quan đến bài học, mở rộng và nâng cao kiến thức.

4 CHÂU MỸ

Bài 13. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI VÀ VIỆC PHÁT KIẾN RA CHÂU MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày khái quát được vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ.
- Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502).

Châu Mỹ được phát kiến vào năm 1492. Châu lục này có đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ như thế nào? Việc Cô-lôm-bô (C. Cô-lôm-bô) phát kiến ra châu Mỹ đã mang đến những hệ quả địa lí – lịch sử gì?

Vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ

Châu Mỹ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, trải dài trên nhiều vĩ độ, từ vùng cực Bắc đến vùng cận cực Nam. Châu lục này được bao bọc bởi các đại dương và nằm cách xa các châu lục khác.

Châu Mỹ bao gồm lục địa Bắc Mỹ và lục địa Nam Mỹ. Hai lục địa này được nối với nhau qua eo đất hẹp Trung Mỹ.

Hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ

C. Cô-lôm-bô đã phát kiến ra châu Mỹ vào năm 1492. Những chuyến đi sau đó của ông và các nhà thám hiểm châu Âu đến châu Mỹ đã mang lại hiểu biết mới về những vùng đất mới, những dân tộc mới và những nền văn minh mới.

C. Cô-lôm-bô đã dẫn đầu bốn cuộc thám hiểm hàng hải (1492 – 1493, 1493 – 1498, 1498 – 1500, 1502 – 1504) xuyên Đại Tây Dương để phát kiến ra châu Mỹ. Cuộc phát kiến của C. Cô-lôm-bô đã mang lại những hiểu biết mới về địa lí và góp phần thay đổi tên sử thế giới.

Tên bài

Yêu cầu cần đạt

Mở đầu

Kiến thức mới

Em có biết?

Câu hỏi

Luyện tập và vận dụng

Việc phát kiến ra châu Mỹ đã mở đường cho người châu Âu đến khai phá châu Mỹ. Họ đã đổi mới công nghệ, phát triển hàng hải quốc tế, mở rộng thị trường thế giới và thúc đẩy giao thương giữa các châu lục.

Việc phát kiến ra châu Mỹ cũng dẫn đến quá trình di cư từ châu Âu, châu Phi, châu Á đến châu Mỹ. Các dòng nhập cư vào châu Mỹ đã làm thay đổi đặc điểm dân cư, văn hoá và lịch sử của châu lục này.

Các dòng nhập cư vào châu Mỹ

- Từ châu Âu
- Từ châu Phi
- Từ châu Á

1. Quân đội Hoàng Sa (thành phố Đà Nẵng, Việt Nam)
2. Quân đội Trương Sa (thành phố Hà Nội, Việt Nam)

(*) Ngày 8-6-2021, Hiệp hội Địa lý Quốc gia Hoa Kỳ công nhận địa đường thứ năm trên thế giới có tên gọi là Nam Đại Dương.

TITLE 1 : 200 000 000

Hình 13.2. Bản đồ các dòng nhập cư vào châu Mỹ trong giai đoạn 1500 – 1914

Đọc thông tin và quan sát hình 13.2, hãy phân tích các hệ quả địa lí – lịch sử của việc C. Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ.

- Chứng minh rằng châu Mỹ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.
- Phân tích tác động tích cực của việc C. Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ.
- Hãy thu thập thông tin về các chuyến đi của C. Cô-lôm-bô trong cuộc phát kiến ra châu Mỹ.



Các đề mục trong tuyến chính không đánh số 1, 2, 3,... nhằm tạo điều kiện cho giáo viên chủ động, linh hoạt trong quá trình dạy học. Tùy theo điều kiện của mỗi lớp, mỗi trường, giáo viên chủ động sắp xếp dạy các nội dung dạy trước sau.

Bản đồ là công cụ không thể thiếu trong dạy học Địa lí. Trong Địa lí 7, các bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ được xây dựng kỹ lưỡng, cả về nội dung khoa học và chất lượng hình ảnh; tạo ra tình huống học tập, vừa là nguồn tri thức địa lí, vừa tạo điều kiện để học sinh phát triển các kỹ năng và năng lực tìm hiểu địa lí.

Trong phần Địa lí 7, có hai kiểu bài học chính là: kiểu bài hình thành kiến thức mới và kiểu bài thực hành.

– **Kiểu bài học hình thành kiến thức mới:** giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt về kiến thức để góp phần phát triển năng lực, đặc biệt là năng lực nhận thức khoa học Địa lí.

– **Kiểu bài học thực hành:** giúp HS vận dụng tri thức địa lí đã học vào thực tiễn học tập và đời sống. Kiểu bài học này góp phần đặc lực vào việc hình thành, phát triển cho HS các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và các năng lực địa lí (tìm hiểu địa lí, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học).

5. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Định hướng chung

Để tổ chức hoạt động học tập trong dạy học Địa lí 7 ở nhà trường THCS nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, GV cần chú trọng tới một số vấn đề về phương pháp giáo dục sau:

– Đề cao vai trò chủ thể học tập của HS, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để HS có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân.

– Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HS và điều kiện cụ thể. Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến đề cao vai trò chủ thể học tập của HS (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Đa dạng hoá và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học ngoài thực địa, học theo dự án học tập,... Chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc trưng môn học.

– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị dạy học như: bản đồ, lược đồ, sơ đồ, các bảng thống kê, video clip, các phiếu học tập có các nguồn học liệu, phần mềm dạy học,... nhằm minh hoạ bài giảng của GV và hỗ trợ các hoạt động học tập của HS.



5.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh

– Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu: thông qua nội dung môn học và các hoạt động thu thập, phân tích dữ liệu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa,... hình thành và bồi dưỡng ở HS nhận thức và tình cảm về mối quan hệ giữa xã hội và môi trường, về sự lựa chọn các con đường phát triển của các quốc gia, về đất nước và con người Việt Nam. Từ đó, hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất yêu nước, yêu quê hương, yêu thiên nhiên; ý thức, niềm tin và hành động trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hoá nhân loại; biết yêu quý người lao động, tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau, rèn luyện sự tự tin, trung thực, khách quan.

– Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung:

+ *Năng lực tự chủ và tự học* được hình thành, phát triển ở HS thông qua việc tự tổ chức, quản lý các hoạt động học tập; tự tìm kiếm, tổ chức và phân tích nguồn thông tin, tri thức bổ sung; đặt và trả lời các câu hỏi địa lí; thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa và trong các tình huống làm việc độc lập khác.

+ *Năng lực giao tiếp và hợp tác* được hình thành và phát triển ở HS thông qua việc thực hiện và phối hợp cùng các thành viên khác trong nhóm, trong lớp thực hiện những nhiệm vụ được phân công, thảo luận, nghiên cứu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa,...

+ *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* được hình thành, phát triển ở HS qua việc thực hiện các hoạt động học tập tích cực như: nghiên cứu tài liệu, thu thập và phân tích tư liệu, làm dự án nghiên cứu, thuyết trình, tranh luận,...

5.3. Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển năng lực địa lí

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HS, GV lựa chọn các kiến thức thực tế tiêu biểu, sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan như mô hình, bản đồ, video clip,... để hình thành các biểu tượng địa lí; hướng dẫn HS học từ thấp đến cao về các mối liên hệ và quan hệ nhân quả diễn ra trong thiên nhiên, trong xã hội và trong mối quan hệ giữa xã hội, con người và môi trường.

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HS, GV hướng dẫn HS tham gia vào quá trình tìm kiếm, sắp xếp, phân tích thông tin bằng cách khai thác tri thức từ các nguồn tư liệu bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu,... kết hợp với quan sát thực địa; chú trọng phát triển tư duy không gian, với các câu hỏi: “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Như thế nào?”, “Tại sao?”: khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của HS đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, thái độ tích cực đối với phát triển bền vững; rèn luyện khả năng và thói quen liên hệ với thực tế địa phương, đất nước để phát triển tư duy địa lí;...

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để học địa lí là rèn luyện kỹ năng sử dụng các công cụ học tập như: bản đồ, atlas, biểu đồ, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip, tra cứu các tài liệu đa phương thức, sách e-book và một số ứng dụng trong điện thoại thông minh như la bàn, bản đồ chỉ đường, hệ thống định vị toàn cầu, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế,...

Các hình thức tổ chức dạy học cũng cần được đa dạng hoá: kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, trên thực địa, học theo dự án học tập,...

5.4. Cách thức tổ chức dạy học Địa lí 7 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực

Lựa chọn cách thức tổ chức các hoạt động học tập, chiến lược dạy học như thế nào để đạt được mục tiêu là một nhiệm vụ rất quan trọng của GV. Trong dạy học Địa lí, đó là các quá trình tổ chức cho HS tìm hiểu về các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội diễn ra trong không gian và thời gian; tìm hiểu về sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; là cách thức tổ chức cho HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học địa lí; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS những phẩm chất cơ bản của người công dân thời đại mới, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của môi trường tự nhiên và nhân văn trên thế giới; khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế. Do vậy, để tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học phần Địa lí 7, GV cần phải quan tâm tới một số vấn đề sau:

Một là: GV phải xác định được rõ các mục tiêu bài học.

Mục tiêu của bài học còn gọi là yêu cầu cần đạt của bài học, là kết quả mong đợi của bài học. HS phải đạt được những gì về kiến thức, kĩ năng, thái độ và năng lực có thể hình thành và phát triển cho HS sau mỗi bài học. Xác định yêu cầu cần đạt/ mục tiêu bài học chính là xác định “đầu ra” của quá trình dạy học. Mục tiêu của bài học chính là “*kim chỉ nam*” định hướng cho việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Từ những yêu cầu cần đạt này, GV có thể dễ dàng xác định xem bài học này góp phần phát triển cho HS những phẩm chất và năng lực nào.

Trong phần Địa lí 7, yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục liên quan đến bài học đã được thể hiện ở phần đầu của mỗi bài học. Các yêu cầu này là các yêu cầu đã được quy định trong Chương trình GDPT môn Lịch sử và Địa lí. Do vậy, GV có thể dựa vào đây để xác định mục tiêu của bài học, để định hướng các hoạt động cần tổ chức cho HS khi tìm hiểu về nội dung giáo dục đó.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu ở *Bài 9. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Phi*, GV cần tổ chức cho HS đạt được các yêu cầu cần đạt sau và đây cũng chính là mục tiêu của bài học.

Các yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục trong Bài 9 như sau:

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.
- Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên và một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi.



Việc đưa yêu cầu cần đạt vào trong các bài học Địa lí 7 là một trong những điểm mới của SGK Lịch sử và Địa lí 7. Thông qua các yêu cầu này, GV có thể xác định được mục tiêu của bài học, đích cần đến của HS để từ đó tìm cách tổ chức hoạt động học tập cho HS phù hợp.

Hai là: Xác định rõ nội dung các hoạt động và nhiệm vụ dạy học cần phải tổ chức cho HS trong mỗi bài học.

Trong dạy học theo định hướng hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, việc học tập của HS được thể hiện qua chuỗi các hoạt động dạy học. Cụ thể như: hoạt động mở đầu, hoạt động hình thành kiến thức mới, hoạt động luyện tập và vận dụng.

*** Hoạt động mở đầu**

– *Mục đích:* Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong SGK, các tài liệu học tập; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập. Vì vậy, các câu hỏi/ nhiệm vụ trong các hoạt động này là những câu hỏi/ vấn đề mở, không cần có câu trả lời hoàn chỉnh. Kết thúc hoạt động này, GV không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp HS phát biểu được vấn đề để chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kĩ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.

– *Phương thức thực hiện:* Thông qua các câu hỏi/ tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kĩ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ học trong chủ đề bài học (bản đồ, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...). GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết.

– *Sản phẩm:* Các câu hỏi nhận thức, dự đoán, giả sử/ giả thuyết liên quan đến chủ đề bài học mới, dự kiến kế hoạch học tập tiếp theo của HS. Các sản phẩm này chỉ được hình thành thông qua hoạt động học tập trên lớp của HS theo hướng dẫn của GV.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ Tình huống/ câu hỏi/ lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm sẵn có nào đó của HS (HS đã học kiến thức/ kĩ năng đó khi nào?).

+ Vận dụng kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm đã có đó thì HS có thể trả lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/ sản phẩm học tập mà HS có thể hoàn thành.

+ Để hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập nói trên, HS cần vận dụng kiến thức/ kĩ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong hoạt động hình thành kiến thức (có thể không phải là toàn bộ kiến thức/ kĩ năng mới trong bài).

Lưu ý: Khi xây dựng tình huống xuất phát phải gần gũi với đời sống mà HS dễ cảm nhận và đã có ít nhiều những quan niệm ban đầu về chúng. Việc xây dựng tình huống xuất phát cần phải chú ý tạo điều kiện cho HS kết nối giữa cái biết và cái chưa biết, hứng thú và mong tìm cái chưa biết.

Ví dụ: Đề tổ chức cho HS tìm hiểu về Bài 15 – Đặc điểm dân cư, xã hội Bắc Mỹ, GV có thể sử dụng một trong các cách sau để tạo ra tình huống xuất phát cho HS.

Phương án 1: GV có thể sử dụng phần mở đầu trong SGK.

“Bắc Mỹ là vùng đất của những người nhập cư, có thành phần chủng tộc đa dạng và có mức độ đô thị hoá rất cao. Vì sao nhập cư, chủng tộc và đô thị hoá là những vấn đề luôn được quan tâm ở Bắc Mỹ?”

Phương án 2: GV có thể đặt một số câu hỏi sau:

- Bắc Mỹ bao gồm những quốc gia nào?
- Tên thủ đô của Hoa Kỳ là gì?
- Tên thủ đô của Ca-na-đa là gì?
- Hình ảnh sau muốn nói đến thành phố nào của Hoa Kỳ? (Hình ảnh thành phố Niu Y–oóc có tượng Nữ thần tự do).

Phương án 3: GV có thể sử dụng kĩ thuật KWLH để đặt HS vào tình huống xuất phát.

Em đã biết những gì về dân cư, xã hội Bắc Mỹ? (K)	Em muốn biết thêm gì về dân cư, xã hội Bắc Mỹ? (W)	Em đã học được những gì về Bắc Mỹ? (L)	Em có thể vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết những gì liên quan đến vấn đề dân cư, xã hội ở nước ta? (H)
.....			

*** Hoạt động hình thành kiến thức mới**

– *Mục đích:* Hoạt động này giúp cho HS khám phá, hình thành kiến thức, phát triển kĩ năng mới theo yêu cầu cần đạt của bài. Thông qua các hoạt động học tập này, HS thay đổi những quan niệm sai, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ, phát hiện được kiến thức, kĩ năng mới theo yêu cầu cần đạt được đề cập đến trong bài học. Trong dạy học Địa lí 7 ở nhà trường THCS, hoạt động và các nhiệm vụ học tập của HS chủ yếu là các hoạt động tìm hiểu về các châu lục: vị trí địa lí, phạm vi, đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững.

– *Phương thức thực hiện:* GV xác định các hoạt động học tập cần tổ chức cho HS để đạt được mục tiêu/ yêu cầu cần đạt của bài học. Sau đó, GV vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học để tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức mới và rèn luyện kỹ năng, kĩ xảo địa lí.

– *Sản phẩm học tập*: Đặc điểm về vị trí địa lí, phạm vi, tự nhiên, dân cư, xã hội của các châu lục; sự khác nhau trong phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở mỗi châu lục.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này*:

+ Kiến thức, kĩ năng mới mà HS phải khám phá và chiếm lĩnh được của bài học là gì?

+ HS sẽ khám phá, chiếm lĩnh các kiến thức, kĩ năng đó bằng cách nào?

Ví dụ: *Để tổ chức cho HS tìm hiểu về Bài 15 – Đặc điểm dân cư, xã hội Bắc Mỹ*, GV có thể thiết kế các nhiệm vụ học tập cho HS như sau:

Yêu cầu cần đạt	Hoạt động hình thành kiến thức mới	Nhiệm vụ học tập của HS
Yêu cầu 1: Phân tích được vấn đề nhập cư và chủng tộc của Bắc Mỹ.	Hoạt động 1: Tìm hiểu về nhập cư và chủng tộc.	Đọc thông tin và quan sát hình 13.2, hãy: – Nêu các dòng nhập cư vào Bắc Mỹ. Các dòng nhập cư đem lại những thuận lợi và khó khăn gì cho Bắc Mỹ? – Cho biết vì sao Bắc Mỹ là khu vực có thành phần chủng tộc đa dạng.
Yêu cầu 2: Phân tích được vấn đề đô thị hoá của Bắc Mỹ.	Hoạt động 2: Tìm hiểu về vấn đề đô thị hoá.	– Nhiệm vụ 1: Quan sát hình 15, hãy nhận xét sự phân bố các đô thị ở Bắc Mỹ. – Nhiệm vụ 2: Giải thích vì sao Bắc Mỹ có mức độ đô thị hoá cao nhất thế giới.

* *Hoạt động luyện tập*

– *Mục đích*: Hoạt động này nhằm giúp HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học, đồng thời, đánh giá xem HS có đạt được mục tiêu bài học hay không.

– *Phương thức thực hiện*: GV tổ chức cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học. Ở hoạt động này, HS có thể hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

– *Sản phẩm*: Lời giải và kết quả giải các câu hỏi, bài tập/ tình huống.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này*:

+ HS sẽ làm gì để vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

+ Xây dựng và sử dụng những câu hỏi và bài tập nào để tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết những nội dung liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

Ví dụ: Đề tổ chức cho HS luyện tập sau khi học xong Bài 15 – Đặc điểm dân cư, xã hội Bắc Mỹ, GV có thể tổ chức cho HS trả lời câu 1 và câu 2 ở phần luyện tập trong SGK.



1. Vì sao nói Bắc Mỹ là vùng đất của những người nhập cư?
2. Dựa vào hình 15, hãy kể tên và nhận xét sự phân bố của các đô thị từ 5 triệu người trở lên ở Bắc Mỹ.

* Hoạt động vận dụng

– *Mục đích:* Hoạt động này giúp cho HS vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết một tình huống thực tiễn nào đó, đồng thời, giúp HS tăng cường ý thức tự tìm hiểu, mở rộng kiến thức, năng lực nghiên cứu, sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân và cộng đồng; hứng thú với các hoạt động tìm hiểu tự nhiên và xã hội,...

– *Phương thức thực hiện:* HS vận dụng tri thức của bản thân, bao gồm: những kiến thức, kĩ năng (vừa được lĩnh hội), kinh nghiệm của bản thân trong nhiều tình huống khác nhau và tương tự để giải các bài tập/ tình huống mô phỏng thực tế cuộc sống trong và ngoài nhà trường hoặc nêu phương án giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

– *Sản phẩm:* Sản phẩm thực hành, câu trả lời, lời giải và kết quả giải các bài tập/ tình huống, bản báo cáo, sản phẩm nghiên cứu của HS, các tư liệu, sản phẩm được HS sưu tầm, trích dẫn,... được trưng bày, báo cáo, thuyết trình.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ Cần tạo ra tình huống thực tiễn nào để HS có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết?

+ Cần thay đổi gì trong hành vi, thái độ của bản thân HS?

Ví dụ: Đề tổ chức hoạt động Vận dụng sau khi học xong Bài 15 – Đặc điểm dân cư, xã hội Bắc Mỹ, GV có thể tổ chức cho HS trả lời câu hỏi 3 ở phần Vận dụng trong SGK hoặc liên hệ với các đô thị ở Việt Nam/ tỉnh, thành nơi em sinh sống, học tập.

6. VẤN ĐỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC PHẦN ĐỊA LÍ 7

Để tổ chức đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học Địa lí 7. GV cần phải chú trọng một số vấn đề sau:

– Việc đánh giá kết quả giáo dục phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí 7. Cần lưu ý là các phẩm chất và năng lực này được hình thành, củng cố và phát triển theo lộ trình, nên trong khi đánh giá, cần xác định rõ HS đã/ đang đứng ở đâu trong lộ trình đạt tới các kết quả đầu ra kì vọng, và GV cần phải hành động như thế nào để cải thiện thành tích học tập của HS. Như vậy là cần chú trọng cả đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, trong đó hết sức coi trọng việc đánh giá quá trình.

– Về nội dung đánh giá, bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau. Tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HS.

Để đáp ứng các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập của HS như trên, phần Địa lí 7 đã tăng cường hệ thống các câu hỏi trong phần hình thành kiến thức mới, phần luyện tập và vận dụng. Do vậy GV nên sử dụng các câu hỏi đó để tổ chức đánh giá kết quả học tập thường xuyên cho HS. Đồng thời, khi tổ chức các hoạt động học tập, GV nên đa dạng các hình thức và công cụ đánh giá để tạo cơ hội cho HS tham gia vào quá trình tự đánh giá. GV có thể thiết kế bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí,... để tổ chức đánh giá sản phẩm học tập cho HS.

7. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO HỖ TRỢ

7.1. Sách giáo viên

SGV được viết bám sát SGK của HS, mở rộng, giải thích làm rõ thêm các nội dung trong đó. Hai nội dung lớn mà SGV tập trung là:

- Gợi ý cho GV cách thức tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp
- Gợi ý các nội dung cần làm rõ qua các câu hỏi, bài tập trong SGK.

Để có một giáo án cụ thể, GV tham khảo sách GV, từ đó hiểu đúng mục tiêu các yêu cầu của bài học; căn cứ vào đối tượng, điều kiện dạy học và năng lực của chính mình để soạn ra một giáo án cụ thể. Không ai thay thế được người GV trong việc soạn ra một giáo án cho mình. Hơn nữa, Chương trình và SGK theo định hướng mở, đề cao và khuyến khích người GV tự chủ, tự lựa chọn và quyết định nội dung, cách thức dạy học cụ thể. Các câu gợi ý trả lời câu hỏi trong SGK chỉ nêu ý chính, để thống nhất chung về phương hướng; còn nội dung cụ thể GV hoàn toàn có thể thêm bớt miễn là có lí, có cơ sở và có sức thuyết phục.



7.2. Sách bài tập



Bao gồm các câu hỏi và bài tập được sắp xếp theo các phần, chương, bài tương ứng trong SGK, giúp HS và GV dễ dàng theo dõi, thực hiện.

Hình thức hỏi ở mỗi bài rất đa dạng từ câu hỏi trắc nghiệm như: khoanh tròn, điền khuyết, ghép nối,... đến các câu hỏi tự luận. HS thực hiện các câu hỏi và bài tập này không chỉ rèn luyện, nâng cao được kiến thức mà còn làm quen với các dạng câu hỏi, bài tập, các hình thức kiểm tra, đánh giá ở lớp 7. GV có thể sử dụng các câu hỏi và bài tập này vào việc dạy nội dung hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng hoặc đưa vào kiểm tra, đánh giá việc học tập của HS.

Cuối sách có đáp án và gợi ý trả lời rất thuận tiện cho HS, GV tra cứu.

7.3. Sách tham khảo

Đây là những tài liệu hữu ích cho các em HS tự kiểm tra, đánh giá kiến thức và kỹ năng của mình trong việc học tập Địa lí; giúp các thầy, cô giáo có thêm tài liệu để giảng dạy chuẩn xác; các bậc phụ huynh có thể dùng những cuốn sách này để kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức của con em mình, giúp các em học tập đạt kết quả tốt hơn.





7.4. Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử (SGK phiên bản điện tử, video minh họa tiết học, bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...)

Hoc10

Giới thiệu ▾Tủ sáchBài giảngLuyện thi **BETA**Kích hoạt sáchHỗ trợ ▾**Đăng ký****Đăng nhập**

Cấp học

Trung học cơ sở ▾

Lớp học

☐ Lớp 6☒ **Lớp 7** Mới☐ Lớp 8☐ Lớp 9

Môn học

☐ Giới thiệu chung☐ Ngữ văn☐ Toán☐ Tiếng Anh☐ Giáo dục công dân☒ **Lịch sử và Địa lí**☐ Khoa học tự nhiên☐ Công nghệ☐ Tin học☐ Giáo dục thể chất☐ Âm nhạc☐ Mĩ thuật☐ Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 7

Giới thiệu sách

Video giới thiệu SGK Lịch sử và Địa lí (Phần Lịch sử)

Video giới thiệu SGK Lịch sử và Địa lí (Phần Địa lí)

Slide giới thiệu SGK Lịch sử và Địa lí (Đi...)

Slide giới thiệu SGK Lịch sử và Địa lí (Lịch...)

Giới thiệu SGK Lịch sử và Địa lí (phần...)

Giới thiệu SGK Lịch sử và Địa lí (phần...)

Sách giáo khoa



B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ

Bài 17. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ

TIẾT 2. SỰ PHÂN HOÁ TỰ NHIÊN THEO CHIỀU CAO VÀ ĐẶC ĐIỂM RỪNG NHIỆT ĐỚI A-MA-DÔN

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Năng lực

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí thông qua việc trình bày sự phân hoá tự nhiên theo chiều cao (trên dãy An-đét); trình bày đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.
- Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua việc sử dụng các công cụ địa lí học như tài liệu văn bản, sơ đồ,...; khai thác internet.
- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tích cực, chủ động học tập, tự tìm hiểu, ghi chép những thông tin cần thiết.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc lắng nghe và phản hồi tích cực; hợp tác khi làm việc nhóm.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ học tập và có trách nhiệm trong việc bảo vệ rừng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ khí hậu Trung và Nam Mỹ.
- Sơ đồ sự phân hoá thảm thực vật ở sườn đông và sườn tây dãy An-đét qua lãnh thổ Pê-ru.
- Tranh ảnh, video clip về tự nhiên Trung và Nam Mỹ và rừng A-ma-dôn.



III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Giúp HS xác định được các nhiệm vụ cần giải quyết trong bài, tạo hứng thú cho HS.

b) *Nội dung:* HS tham gia trò chơi “Mở ô chữ”, huy động vốn kiến thức đã có và hiểu biết thực tế để trả lời các câu hỏi về các đối tượng địa lí ở Trung và Nam Mỹ.

c) *Sản phẩm:*

Câu 1. Đây là hoang mạc nổi tiếng khô hạn ở Nam Mỹ? (Hoang mạc A-ta-ca-ma).

Câu 2. Đây là tên của một con sông lớn nhất thế giới? (Sông A-ma-dôn).

Câu 3. Sông A-ma-dôn bắt nguồn từ dãy núi nào? (Dãy An-đét).

Câu 4. Đây là công trình kiến trúc tiêu biểu của một nền văn minh cổ đại ở Nam Mỹ cách đây 2000 năm?

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Mở ô chữ” trong thời gian 2 phút. Quan sát các hình ảnh và cho biết mỗi hình ảnh nhắc đến địa điểm nào.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập. HS quan sát ảnh để trả lời.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận. HS nào có đáp án nhanh nhất sẽ giơ tay để trả lời và nhận thưởng sao. Nếu HS đầu tiên chưa đưa ra được đáp án đúng thì sẽ giành cơ hội cho các bạn sau.

Bước 4. Đánh giá. GV đánh giá kết quả làm việc của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt vào bài học mới.

GV dẫn dắt vấn đề: Bên cạnh sự phân hoá theo chiều đông – tây, bắc – nam, tự nhiên Trung và Nam Mỹ còn có sự phân hoá theo chiều cao. Vậy sự phân hoá đó được thể hiện như thế nào? Rừng nhiệt đới A-ma-dôn có đặc điểm gì?

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về sự phân hoá tự nhiên theo chiều cao

a) *Mục tiêu:* Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều cao.

b) *Nội dung:* GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 5 phút.

c) *Sản phẩm:*

Thảm thực vật ở sườn đông và sườn tây của dãy núi An-đét

Sườn tây		Sườn đông	
Độ cao (khoảng)	Cảnh quan	Độ cao (khoảng)	Cảnh quan
0 – 1 000 m	Thực vật nửa hoang mạc	0 – 1 000 m	Rừng nhiệt đới
1 000 – 2 000 m	Cây bụi xương rồng	1 000 – 1 300 m	Rừng lá rộng
2 000 – 3 000 m	Đồng cỏ cây bụi	1 300 – 3 000 m	Rừng lá kim
3 000 – 5 000 m	Đồng cỏ núi cao	3 000 – 4 000 m	Đồng cỏ
Trên 5 000 m	Băng tuyết	4 000 – 5 500 m	Đồng cỏ núi cao
		Trên 5 500 m	Băng tuyết

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. Hoạt động nhóm, HS tham gia thảo luận trong nhóm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình hoạt động.

Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận. Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm còn lại nhận xét về nội dung, cách trình bày và chấm điểm cho đội bạn theo thang điểm.

Bước 4. Đánh giá. GV nhận xét quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, đồng thời tổng kết và chuẩn kiến thức.

GV mở rộng kiến thức với câu hỏi: Tại sao có sự khác nhau giữa thảm thực vật ở sườn tây và sườn đông dãy An-đét?

Nguyên nhân của sự phân hoá này là do sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm khi lên cao giữa hai sườn núi. Ngoài ra, ở sườn đông dãy An-đét còn chịu ảnh hưởng của Tín phong từ biển thổi vào; ở sườn tây chịu ảnh hưởng của dòng biển lạnh nên khi khối khí từ biển di chuyển vào bị mất hơi nước, biến tính và trở nên khô.

2.2. Tìm hiểu về đặc điểm rừng nhiệt đới A-ma-dôn

a) Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm rừng A-ma-dôn.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, dựa vào thông tin trong SGK, hình 17.3 và video clip về rừng A-ma-dôn để hoàn thành nội dung về đặc điểm rừng A-ma-dôn.

c) Sản phẩm:

- Rừng A-ma-dôn nằm ở lục địa Nam Mỹ. Diện tích khoảng 5,5 triệu km².
- Vai trò: là “lá phổi của hành tinh”, đóng vai trò quan trọng trong việc điều hoà khí hậu; vùng dự trữ sinh học quý giá;...
- Đặc điểm:
 - + Thực vật và động vật rất đa dạng, phong phú. Thực vật có nhiều tầng tán. Động vật nhiệt đới phát triển mạnh: hổ, báo, ba ba, cá sấu,...
 - + Việc khai thác rừng A-ma-dôn lấy gỗ và đất canh tác đã làm cho môi trường rừng bị hủy hoại dần ảnh hưởng đến khí hậu khu vực và toàn cầu.

d) Tiến trình hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. HS hoạt động theo cặp, hai HS ngồi cạnh nhau hình thành cặp. Thời gian làm việc là 5 phút. Sau đó, GV sẽ mời đại diện của các cặp trình bày về đặc điểm rừng nhiệt đới A-ma-dôn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ học tập, GV quan sát phát hiện và giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo kết quả. Đại diện cặp HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. GV tổng kết, đánh giá.

3. Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức của bài học.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học để tham gia trò chơi “Giải cứu rừng xanh”.

c) Sản phẩm:

- Diện tích rừng A-ma-dôn là bao nhiêu km²? (5,5 triệu km²).
- Vì sao rừng A-ma-dôn lại được gọi là “lá phổi xanh” của Trái Đất? (Vì nó cung cấp tới 20 % lượng khí ô-xy và hấp thụ 10 % lượng khí cac-bo-nic cho toàn cầu).
- Thảm thực vật nào chiếm diện tích lớn ở sườn tây dãy An-đét? (Thực vật nửa hoang mạc).
- Thảm thực vật nào chiếm diện tích lớn ở sườn đông dãy An-đét? (Rừng nhiệt đới).

d) Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. Yêu cầu HS quan sát, kết hợp với kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. HS quan sát, lắng nghe, huy động hiểu biết để trả lời.

Bước 3. Báo cáo kết quả. HS giơ tay trình bày đáp án.

Bước 4. GV tổng kết, đánh giá.

4. Vận dụng

a) *Mục tiêu:* Vận dụng được kiến thức đã học và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.

b) *Nội dung:* GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học để phân tích ảnh hưởng của việc suy giảm diện tích rừng A-ma-dôn đến môi trường toàn cầu và Việt Nam.

c) *Sản phẩm:*

Là rừng nhiệt đới lớn nhất thế giới, nơi hấp thụ một lượng lớn khí CO₂, A-ma-dôn được mệnh danh là “lá phổi của hành tinh”, đóng vai trò quan trọng trong việc điều hoà khí hậu nên sự suy giảm diện tích rừng A-ma-dôn sẽ làm cho môi trường Trái Đất biến đổi mạnh mẽ. Trái Đất đang nóng lên, biến đổi khí hậu đang ngày càng rõ rệt.

d) *Tổ chức hoạt động:*

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS dựa vào nội dung đã học hãy cho biết: Hãy phân tích ảnh hưởng của việc suy giảm diện tích rừng A-ma-dôn đến môi trường toàn cầu và Việt Nam.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. HS lắng nghe, huy động kiến thức và hiểu biết để trả lời.

Bước 3. Báo cáo kết quả. HS giơ tay trình bày đáp án.

Bước 4. GV tổng kết, đánh giá.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM

Nhóm

Yêu cầu: Hãy trình bày sự thay đổi của thảm thực vật ở sườn đông và sườn tây dãy An-đét.

Thảm thực vật ở sườn đông và sườn tây của dãy núi An-đét

Sườn tây		Sườn đông	
Độ cao	Cảnh quan	Độ cao	Cảnh quan
.....			



PHỤ LỤC 2

PHIẾU HỌC TẬP CẶP

Nhóm:

Yêu cầu: Dựa vào thông tin SGK, hình 17.3 và video clip, hãy trình bày về đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.

– Rừng A-ma-dôn phân bố ở đâu? (xác định trên hình 17.3)

.....

– Vai trò:

.....

.....

– Đặc điểm:

.....

.....

– Vấn đề gì đang đặt ra đối với rừng A-ma-dôn?

.....

.....



C. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

I. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA

Bước 1. Xác định mục đích của đề kiểm tra

Bước 2. Xác định hình thức đề kiểm tra

Bước 3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra (bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra)

Bước 4. Biên soạn câu hỏi theo ma trận

Bước 5. Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm

Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra

II. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

1. Mục đích của đề kiểm tra

– Để đánh giá kết quả học tập của HS sau khi học xong các nội dung: vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên châu Âu; đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu; phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên; khái quát liên minh châu Âu; vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Á.

– Làm căn cứ để điều chỉnh kịp thời quá trình dạy học.

2. Hình thức đề kiểm tra

Kết hợp: Trắc nghiệm và tự luận



3. Ma trận đề kiểm tra

Nội dung \ Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
1. Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên châu Âu	Xác định được trên bản đồ các sông lớn Đa-nuýp, Von-ga.		Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu ở châu Âu.	
<i>Số câu: 3</i> <i>Số điểm: 3,0</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>TN: 2 câu;</i> <i>1,0 điểm</i>		<i>TL: 1 câu;</i> <i>2,0 điểm</i>	
2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu	Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.			
<i>Số câu: 4</i> <i>Số điểm: 2,0</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>TN: 4 câu;</i> <i>2,0 điểm</i>			
3. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu				Liên hệ vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở địa phương.
<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 1,0</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>				<i>TL: 1 câu; 1,0 điểm</i>

4. Khái quát liên minh châu Âu		Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.		
<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 1,0</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>		<i>TN: 2 câu;</i> <i>1,0 điểm</i>		
5. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Á.	Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng châu Á.	Trình bày được ý nghĩa của một đặc điểm tự nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.		
<i>Số câu: 3</i> <i>Số điểm: 3,0</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>TN: 2 câu;</i> <i>1,0 điểm</i>	<i>TL: 1 câu;</i> <i>2,0 điểm</i>		
<i>Tổng số câu: 13</i> <i>(TN 10; TL 3)</i> <i>Tổng số điểm: 10,0</i> <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 8</i> <i>Số điểm: 4,0</i> <i>40%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Số điểm: 3,0</i> <i>30%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 2,0</i> <i>20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 1,0</i> <i>10%</i>

Ghi chú: TN – Trắc nghiệm; TL – Tự luận.

4. Đề kiểm tra

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Mỗi câu chọn 1 phương án trả lời đúng.



Bản đồ tự nhiên châu Âu

Câu 1. Căn cứ vào bản đồ tự nhiên châu Âu, hãy cho biết sông Vôn-ga đổ ra biển nào sau đây?

- A. Biển Ba-ren.
- B. Biển Ca-xpi.
- C. Biển Bắc.
- D. Biển Ban-tích.

Câu 2. Căn cứ vào bản đồ tự nhiên châu Âu, hãy cho biết sông Đa-nuyp bắt nguồn từ dãy núi nào sau đây?

- A. U-ran.
- B. Cac-pát.
- C. An-pơ.
- D. A-pen-nin.

Câu 3. Cơ cấu dân số châu Âu có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cơ cấu dân số trẻ.
- B. Cơ cấu dân số già.
- C. Cơ cấu dân số vàng.
- D. Cơ cấu dân số ổn định.

Câu 4. Về trình độ học vấn, dân cư châu Âu được xếp vào loại

- A. rất thấp.
- B. thấp.
- C. trung bình.
- D. cao.

Câu 5. Từ giữa thế kỉ XX đến nay, châu Âu tiếp nhận số người di cư quốc tế lớn thứ mấy thế giới?

- A. Thứ nhất. B. Thứ hai. C. Thứ ba. D. Thứ tư.

Câu 6. Những đô thị đầu tiên của châu Âu xuất hiện vào thời kì nào sau đây?

- A. Cổ đại. B. Trung đại. C. Cận đại. D. Hiện đại.

Câu 7. Phần lục địa của châu Á nằm tiếp giáp với các châu lục nào sau đây ?

- A. Châu Phi và châu Mỹ. B. Châu Âu và châu Đại Dương.
C. Châu Âu và châu Phi. D. Châu Nam Cực và châu Phi.

Câu 8. Hình dạng lãnh thổ châu Á có đặc điểm nào sau đây?

- A. Lồi lõm chia cắt rất phức tạp.
B. Hình khối, bờ biển bị chia cắt mạnh.
C. Như một bán đảo lớn trên lục địa Á – Âu.
D. Mở rộng ở phía bắc và nam, thu hẹp ở giữa.

Câu 9. Liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới được biểu hiện

- A. xuất khẩu dầu mỏ hàng đầu thế giới. B. xuất khẩu than hàng đầu thế giới.
C. xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới. D. quy mô GDP hàng đầu thế giới.

Câu 10. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu của bốn trung tâm kinh tế lớn và thế giới năm 2019

(Đơn vị: tỉ USD)

Trung tâm kinh tế lớn	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
Trị giá xuất khẩu	5 813,2	1 645,6	2 499,0	705,5	18 371,8

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. EU có giá trị xuất khẩu lớn nhất.
B. Giá trị xuất khẩu của EU nhỏ hơn Hoa Kỳ.
C. Trung Quốc có giá trị xuất khẩu lớn nhất.
D. EU có giá trị xuất khẩu lớn hơn Nhật Bản 7 lần.

PHẦN 2. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy trình bày ý nghĩa của đặc điểm địa hình với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.



Câu 2. (2,0 điểm)

Hãy phân tích sự phân hóa khí hậu theo chiều tây – đông ở châu Âu.

Câu 3. (1,0 điểm)

Thông qua phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu, em hãy liên hệ một vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở địa phương.

5. Hướng dẫn chấm và thang điểm

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

(Mỗi câu đúng được 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	B	D	A	A	C	B	D	A

PHẦN 2. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	<i>Trình bày ý nghĩa của đặc điểm địa hình với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.</i>	2,0
	– Địa hình châu Á phân hóa đa dạng với nhiều đồi, núi, cao nguyên và các đồng bằng rộng lớn; bờ biển chia cắt,...	0,5
	– Đặc điểm địa hình tạo điều kiện cho phát triển nhiều ngành kinh tế như: trồng cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp; chăn nuôi gia súc; thủy điện; du lịch;...	1,0
	– Tuy nhiên, việc sử dụng cần hạn chế các tác động tiêu cực làm biến đổi địa hình, ô nhiễm môi trường,...	0,5
2	<i>Hãy phân tích sự phân hóa khí hậu theo chiều tây – đông ở châu Âu.</i>	2,0
	– Khu vực Tây Âu và Trung Âu chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương kết hợp với gió Tây ôn đới từ biển thổi vào nên có khí hậu ôn đới hải dương, mùa hạ mát, mùa đông không lạnh lắm, mưa quanh năm với lượng mưa tương đối lớn.	1,0
	– Khu vực Đông Âu do ảnh hưởng của gió Tây ôn đới đã giảm nên có kiểu khí hậu ôn đới lục địa khô và lạnh, mưa ít. Càng vào sâu trong lục địa, mùa đông lạnh hơn, lượng mưa rất ít nên có nhiều nơi khan hiếm nước dẫn đến tình trạng khô hạn.	1,0

3	Thông qua phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu, em hãy liên hệ một vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở địa phương.	1,0
	HS có thể liên hệ việc khai thác, sử dụng, bảo vệ: khoáng sản, đất, nước, sinh vật,...	

6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra (nếu cần)

.....

.....

.....

.....